

NÂNG CAO MỨC ĐỘ ĐÁP ỨNG CHUẨN NGHỀ NGHIỆP CỦA ĐỘI NGŨ GIÁO VIÊN TIỂU HỌC - NGHIÊN CỨU TẠI VÙNG DÂN TỘC THIỂU SỐ TÂY NGUYÊN

Nguyễn Thị Ngọc Lợi¹

Tóm tắt. Bài viết đánh giá năng lực nghề nghiệp của giáo viên tiểu học giảng dạy tại vùng dân tộc thiểu số với cỡ mẫu 258 trên 5 tỉnh Tây Nguyên bằng phương pháp tính điểm trung bình của 15 tiêu chí theo quyết định số 14/2007/QĐ-BGDĐT. Kết quả nghiên cứu cho thấy các tiêu chí như Thương yêu học sinh; quan hệ đoàn kết; Thực hiện các Quy định, Quy chế của ngành; Biết tổ chức và thực hiện các hoạt động dạy học trên lớp; Biết thực hiện thông tin hai chiều; biết cách giao tiếp với học sinh có mức độ đáp ứng thấp. Trong đó, với đối tượng người dân tộc thiểu số thì việc phối hợp với gia đình và cộng đồng để vận động con em tới trường là rất quan trọng, nhưng mức độ đáp ứng của giáo viên tại khu vực này còn yếu. Do đó, nghiên cứu này nhằm đề xuất một số giải pháp không những nâng cao chuẩn nghề nghiệp của giáo viên tiểu học, khắc phục tình trạng bỏ học và nâng cao kết quả học tập của học sinh vùng dân tộc thiểu số khu vực Tây Nguyên.

Từ khóa: *Năng lực nghề nghiệp, Giáo viên, Tây Nguyên, Tiểu học, Dân tộc thiểu số.*

1. Đặt vấn đề

Đổi mới quản lý giáo dục được xác định là một trong những giải pháp đột phá nhằm thực hiện các mục tiêu đổi mới giáo dục ở nước ta hiện nay. Trong những nội dung của đổi mới quản lý giáo dục, đổi mới công tác xây dựng và phát triển đội ngũ giáo viên được xác định là một nội dung quan trọng. Theo đó, vấn đề chuẩn hóa đội ngũ giáo viên là mục tiêu mà công tác xây dựng, phát triển đội ngũ giáo viên cần phải đạt tới.

Ở Việt Nam, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ban hành chuẩn nghề nghiệp của giáo viên mầm non và giáo viên phổ thông, trong đó Chuẩn nghề nghiệp giáo viên tiểu học là chuẩn nghề nghiệp giáo viên đầu tiên được ban hành. Văn bản này có giá trị đối với việc quản lý, phát triển đội ngũ giáo viên tiểu học theo định hướng chuẩn hóa. Tuy nhiên, sự chênh lệch về kết quả học tập vẫn còn tồn tại với một vài nhóm có hoàn cảnh khó khăn, đặc biệt trong số những người nghèo, vùng sâu vùng xa và khá phổ biến trong nhóm người dân tộc thiểu số. Nhóm dân tộc thiểu số chiếm khoảng 13% tổng dân số. Tỷ lệ biết chữ của người dân tộc thiểu số là 90% trong khi đó tỷ lệ này của người Kinh là 96%. Chính vì vậy, để người dân tộc thiểu số bắt kịp và tiếp cận với khoa học công nghệ cải thiện sinh kế cho chính bản thân thì vai trò giáo dục đặt ra vô cùng cấp bách (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2007).

Điều này cho thấy quá trình thực hiện chính sách phát triển giáo dục mặc dù đã có những tác động tích cực, nhưng khi xem xét tác động đến đội ngũ giáo viên, chính sách cũng bộc lộ một số

Ngày nhận bài: 27/07/2017. Ngày nhận đăng: 10/09/2017.

¹Phân hiệu Đại học Đà Nẵng tại Kon Tum; e-mail: ngocloi99@gmail.com.

hạn chế. Một trong những hạn chế đó là sự ổn định của đội ngũ giáo viên không được đảm bảo, các giáo viên thay thế thường là giáo viên trẻ. Đây cũng là một trong những lý do khiến chất lượng đội ngũ giáo viên nói chung, giáo viên tiểu học nói riêng ở các vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn.

Thêm nữa, lứa tuổi học sinh trung học phổ thông nói chung và tiểu học nói riêng là một giai đoạn chuyển tiếp trong sự phát triển của con người diễn ra giữa giai đoạn trẻ em và tuổi trưởng thành. Đây là lứa tuổi đặc biệt về thể chất lẫn tinh thần cho phép tạo nội dung cơ bản và sự khác biệt về mọi mặt phát triển: thể chất, trí tuệ, giao tiếp, tình cảm, đạo đức... của các em. Bởi vậy, bản thân giáo viên giảng dạy ở bậc này không chỉ là người thầy, người cô truyền đạt kiến thức mà cần nhiều hơn những năng lực nghề nghiệp khác.

Tại Việt Nam, có nhiều nghiên cứu về năng lực nghề nghiệp giáo viên THPT nói chung như của Vũ Thị Sơn (2012), Phạm Hồng Quan (2013), Lương Thị Thanh Hương (2013), Hà Văn Út (2013)... Hiện các nghiên cứu này tiếp cận theo hai xu hướng: thứ nhất, dựa vào những mô hình mới như “nghiên cứu bài học” nhằm đề xuất giải pháp phát triển năng lực nghề; thứ hai, đánh giá năng lực giáo viên thông qua chuẩn nghề nghiệp theo Quyết định số 14/2007/QĐ- BGDĐT ban hành ngày 04 tháng 05 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ giáo dục và Đào tạo, theo các khía cạnh như giáo viên tự đánh giá, Tổ bộ môn và Ban giám hiệu, tìm kiếm sự khác biệt giữa các nhóm, từ đó đề xuất giải pháp cải thiện năng lực nghề.

Xuất phát từ thực tiễn nêu trên, bài viết tập trung đánh giá thực trạng năng lực nghề nghiệp giáo viên tiểu học khu vực Tây Nguyên trên địa bàn có tỷ lệ học sinh người dân tộc thiểu số tham gia học tập cao. Từ đó, làm căn cứ để đánh giá mức độ khả thi giải pháp cải thiện và nâng cao năng lực nghề nghiệp của giáo viên phù hợp với đối tượng học sinh và tình hình phát triển của địa phương. Làm được điều này sẽ góp phần thay đổi căn bản và toàn diện giáo dục khu vực Tây Nguyên.

2. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu

2.1. Năng lực nghề nghiệp của giáo viên tiểu học

Năng lực là khả năng thực hiện có hiệu quả một công việc trên cơ sở vận dụng hiểu biết, kỹ năng, kỹ xảo và kinh nghiệm bản thân đã tích lũy được. Năng lực nghề nghiệp là sự tổng hợp những thuộc tính của cá nhân con người, đáp ứng những yêu cầu của hoạt động nghề nghiệp và đảm bảo cho hoạt động nghề nghiệp đạt được những kết quả cao.

Nghiên cứu của Epstein và Hundert (2002) thì năng lực nghề nghiệp là việc sử dụng thường xuyên và chính xác các thông tin liên lạc, kiến thức, kỹ năng kỹ thuật, cảm xúc, giá trị và phản ánh trong thực tế hàng ngày vì lợi ích của cá nhân và cộng đồng. Quan điểm này đồng nhất với quan niệm của tác giả Mạc Văn Trang khi đã đưa ra được những yếu tố cụ thể cấu tạo nên năng lực nghề nghiệp “Giá trị của nghề ở tri thức chuyên môn, kỹ năng hành nghề, thái độ phục vụ, đó cũng là cái làm nên giá trị hàng hóa sức lao động” (Mạc Văn Trang, 2000). Dựa vào khái niệm này chúng ta dễ dàng đánh giá được năng lực nghề nghiệp của mỗi cá nhân. Năng lực nghề nghiệp được xem như là sự tổng hòa những kiến thức và kỹ năng cần thiết, quyết định đến sự hình thành những hoạt động dạy học, sự giao tiếp và nhân cách như là người tạo ra những giá trị, lý tưởng và ý thức sư phạm (Kodzhaspirova, 2005). Trong tương lai, định nghĩa này được hoàn thiện bởi những tác giả và nó được xem như là một sự kết hợp giữa kiến thức, kinh nghiệm và những kỹ năng một cách linh hoạt công nghệ giáo dục, tìm ra những ý nghĩa tốt nhất để ảnh hưởng đến sinh viên dựa trên

nhu cầu, sự quan tâm, quyền lợi và lựa chọn những phương pháp hành động và ứng xử.

Năng lực nghề nghiệp của nhân viên thường căn cứ theo mô hình năng lực ASK. Theo đó, năng lực nghề nghiệp được cấu thành bởi 3 yếu tố: kiến thức chuyên môn, kỹ năng hành nghề và thái độ đối với nghề.

Căn cứ vào Quyết định số 14/2007/QĐ- BGDĐT ban hành ngày 04 tháng 05 năm 2007 quy định tiêu chuẩn nghề nghiệp của giáo viên tiểu học, đối chiếu với mô hình năng lực ASK, năng lực nghề nghiệp của giảng viên tiểu học có thể được đánh giá dựa vào các hoạt động cơ bản trong nghề dạy học, lần lượt theo các công đoạn hành nghề của người giáo viên. Để đo lường năng lực nghề nghiệp, các nhà nghiên cứu sử dụng chuẩn nghề nghiệp. Chuẩn nghề nghiệp giáo viên là hệ thống các yêu cầu cơ bản đối với giáo viên về phẩm chất chính trị, đạo đức lối sống; năng lực chuyên môn, nghiệp vụ. Dựa vào các yếu tố của năng lực giáo viên và biểu hiện của các yếu tố này ra bên ngoài thể giới khách quan, các nhà khoa học giáo dục sẽ khái quát hóa những biểu hiện này thành các tiêu chuẩn để đánh giá năng lực của giáo viên. Năng lực giáo viên là “chất” bên trong của mỗi giáo viên, chuẩn nghề nghiệp là công cụ để đo lường “chất” bên trong này. Vì vậy, chuẩn nghề nghiệp của giáo viên tiểu học được đánh giá trên các khía cạnh như phẩm chất chính trị đạo đức lối sống; kiến thức và kỹ năng nghề nghiệp.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu tiến hành thu thập dữ liệu định tính thông qua việc tổng hợp tài liệu nghiên cứu trước đây để đưa ra những vấn đề có tính lý luận và thực tiễn liên quan đến năng lực nghề nghiệp của giáo viên tiểu học. Ngoài ra, để đánh giá mức độ quan trọng và sự đáp ứng của từng tiêu chí trong 15 tiêu chí theo quy định của Bộ Giáo dục & Đào tạo, nghiên cứu này tiến hành thu thập dữ liệu định lượng bằng phương pháp phỏng vấn 258 giáo viên tiểu học thông qua bảng hỏi. Cụ thể: bảng khảo sát được xây dựng dựa vào 15 tiêu chí này trên thang đo 4 điểm (theo thang đo của quyết định 14), thu thập ý kiến của giáo viên trên hai góc độ (Bảng 1).

Bảng 1. Quy ước thang đánh giá mức độ đáp ứng theo chuẩn ở từng tiêu chí

Mức độ đáp ứng	Điểm trung bình/câu (tiêu chí)
Tốt	9-10
Khá	7-8
Trung bình	5-6
Yếu (chưa đạt)	<5

Nguồn: Căn cứ vào quy định xếp loại giáo viên theo quyết định số 14/2007/QĐ-BGDĐT

- Đánh giá mức độ quan trọng của các nhân tố trong chuẩn nghề nghiệp (5-6: ít quan trọng đến 9-10: quan trọng nhất).

- Tự đánh giá mức độ đáp ứng của bản thân so với chuẩn nghề nghiệp (5-6: Trung bình, 7-8: Khá, 9-10: Tốt).

Việc đánh giá các tiêu chí dựa trên hai mức độ này được thực hiện bằng việc thống kê giá trị trung bình dựa vào số điểm tự đánh giá của giáo viên. Việc chọn mẫu khảo sát được thực hiện bằng phương pháp chọn mẫu phi xác suất theo cách thuận tiện. Nhóm tác giả tiến hành thu thập dữ liệu bằng cách phối hợp với Sở giáo dục và đào tạo tại Kon Tum, Gia Lai, Đắk Nông đến tại các trường có tỷ lệ học sinh dân tộc thiểu số chiếm trên 50%, để tiến hành phát phiếu.

Ngoài ra, để tìm hiểu được những tiêu chí nào cần có của đội ngũ giáo viên tiểu học nhằm nâng cao năng lực nghề nghiệp của họ, nhóm nghiên cứu thực hiện các cuộc phỏng vấn trao đổi với 10 chuyên gia tại đây.

3. Kết quả nghiên cứu

3.1. Thực trạng giáo viên Tiểu học tại vùng có học sinh dân tộc thiểu số Tây Nguyên

Với đặc thù là khu vực với người dân tộc thiểu số chiếm hơn 50%, địa hình chia cắt phức tạp, nhiều tiểu vùng khí hậu, giao thông đi lại khó khăn nhất là vào mùa mưa. Vì vậy, hệ thống trường lớp tại khu vực Tây Nguyên còn tồn tại một thực trạng mà ít nơi nào đó có là điểm trường lẻ và lớp ghép. Đây là giải pháp hữu hiệu để tăng cường và duy trì tỷ lệ huy động học sinh, nhất là vùng sâu và vùng xa, vùng dân tộc thiểu số.

Theo số liệu thống kê từ Sở GD&ĐT Gia Lai, Kon Tum, Đắk Lắk, Đắk Nông, Lâm Đồng, đội ngũ giáo viên tiểu học được thể hiện ở các khía cạnh: độ tuổi, giới tính, chuyên ngành đào tạo và thành phần dân tộc như tại Bảng 2.

Bảng 2. Thống kê cơ cấu đội ngũ giáo viên tiểu học giai đoạn 2013-2015

Chỉ tiêu	2013		2014		2015	
	Số lượng	%	Số lượng	%	Số lượng	%
Tổng số	30561		31468		31734	
Độ tuổi						
< 30	6433	21,05	7269	23,10	8073	25,44
31 -49	21964	71,87	22163	70,43	21738	68,50
> 50	2164	7,08	2036	6,47	1923	6,06
Giới tính						
Nam	5797	18,97	5680	18,05	5753	18,13
Nữ	24764	81,03	25788	81,95	25981	81,87
Dân tộc						
Kinh	-	-	-	-	288778	91,00
Thiểu số	-	-	-	-	2856	9,00
Trình độ						
Cao đẳng	10663	34,89	10856	34,50	11208	35,32
Đại học	10721	35,08	12043	38,27	12481	39,33

Nguồn: Thống kê từ phòng Tổ chức cán bộ Sở Giáo dục & Đào tạo Gia Lai, Kon Tum, Đắk Lắk, Đắk Nông, Lâm Đồng

Sơ với quy định hiện hành thì số lượng giáo viên tiểu học của Tây Nguyên cơ bản đã đủ và có nơi vượt định mức giáo viên/lớp do đặc thù trường ở vùng xa, quy mô lớp nhỏ.

Tỷ lệ giáo viên có độ tuổi từ 31-49 tuổi dao động trong khoảng 68-71%, độ tuổi trên 50 chiếm tỷ lệ nhỏ dưới 7%, điều này khá thuận lợi với khu vực Tây Nguyên trong bối cảnh hiện nay. Về giới tính, nữ chiếm tỷ lệ cao, khoảng từ 81% trở lên qua các năm, trong khi đó nam giới chỉ chiếm 19%. Vì nữ giới được nghỉ theo chế độ thai sản và về hưu sớm hơn nam giới, cho nên, nếu cơ cấu giới tính không hợp lý sẽ là một trong những khó khăn của ngành Giáo dục và Đào tạo Tây Nguyên. Về trình độ chuyên môn, giáo viên chỉ dừng lại ở trình độ đại học, chiếm 39% trong năm 2015.

Về thành phần dân tộc, đa số giáo viên tiểu học khu vực Tây Nguyên chủ yếu là người dân tộc Kinh chiếm 91% năm 2015. Có thể thấy, giáo viên người dân tộc thiểu số chiếm tỷ lệ thấp trong các trường tiểu học, nhất là các trường nằm trong vùng đồng bào dân tộc sinh sống, những trường 100% là học sinh dân tộc, chắc chắn sẽ ảnh hưởng không tốt đến chất lượng giáo dục, đặc biệt là chất lượng phổ cập giáo dục tiểu học.

Nhìn chung, lực lượng giáo viên tiểu học tại Tây Nguyên đáp ứng được những yêu cầu cơ bản của chương trình giảng dạy. Đặc điểm giáo viên dạy các điểm trường chủ yếu là giáo viên trẻ tuổi

đời lẫn tuổi nghề, đời sống vật chất và tinh thần rất thiếu thốn, kinh nghiệm dạy học chưa có, kỹ thuật dạy học và phương pháp dạy lớp ghép chưa được trang bị đầy đủ, vì vậy rất khó khăn trong việc vận động, giảng dạy và giáo dục học sinh. Điều kiện dạy và học rất thiếu thốn, chủ yếu là bảng đen, phấn trắng và nhà tạm bợ. Điều này phần nào ảnh hưởng nhiều đến chất lượng giáo dục.

Đặc biệt trong lứa tuổi tiểu học, hoạt động chủ đạo của lứa tuổi này là hoạt động học tập, nó làm thay đổi một cách cơ bản những động cơ của hành vi trẻ, nó mở ra những nguồn phát triển mới của sức mạnh nhận thức và đạo đức của trẻ. Tuy nhiên, trong quá trình dạy học, nhiều giáo viên thiếu sự quan tâm ân cần, chỉ bảo chu đáo trong việc rèn luyện cho học sinh. Trước những điều các em không hiểu, không biết hoặc gặp những lỗi sai phát âm, viết sai chính tả, giáo viên có lúc qua loa, đại khái trong lời nhận xét và uốn nắn, dẫn đến học sinh không nhận ra những lỗi sai cần phải sửa chữa khắc phục.

Thực tế tại các trường có đông học sinh dân tộc thiểu số, nhiều giáo viên là người Kinh lại không biết hoặc biết rất ít về tiếng mẹ đẻ của các em. Do vậy, trong quá trình dạy học, thiếu sự tương tác giữa thầy và trò. Do hạn chế về ngôn ngữ cho nên các em không hiểu rõ hết được những khái niệm mới. Ngược lại những giáo viên là người dân tộc thiểu số trong quá trình dạy và học cho đối tượng này lại lạm dụng nhiều tiếng mẹ đẻ của các em nên vốn tiếng Việt của các em không được mở rộng thêm.

3.2. *Đánh giá năng lực nghề nghiệp của giáo viên Tiểu học tại vùng dân tộc thiểu số Tây Nguyên*

Chuẩn nghề nghiệp của giáo viên tiểu học được đánh giá dưới ba tiêu chuẩn. Một là, phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống và năng lực chính trị xã hội thể hiện mối quan tâm của giáo viên với cộng đồng; Hai là kiến thức hướng tới xem xét kiến thức giáo viên và phương pháp giảng dạy có tương thích với học sinh không; Ba là kỹ năng sư phạm.

- Tiêu chuẩn 1 “Phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống”

Phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống là tiêu chí không chỉ đo lường mức độ thực hiện nghĩa vụ pháp luật mà còn đo lường mối liên kết giữa giáo viên với phụ huynh, học sinh. Kết quả Bảng 3 cho thấy 5 tiêu chí thuộc tiêu chuẩn phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống phần lớn đội ngũ giáo viên tiểu học đều đạt mức điểm trung bình khá tốt (≥ 8). Phổ điểm của các tiêu chí đánh giá đội ngũ giáo viên tiểu học tương đối đều với giá trị nhỏ nhất là 5,5 (mức xếp loại trung bình) và giá trị lớn nhất là 9,5 (mức xếp loại tốt). Tuy nhiên, Bên cạnh đó, giá trị trung bình của TC3 = “Thực hiện các Quy định, Quy chế của ngành” và TC5 = “Thương yêu học sinh; quan hệ đoàn kết, hợp tác với đồng nghiệp, cha mẹ học sinh và cộng đồng” tương đối thấp so với các tiêu chí còn lại. Điều này có nghĩa là cần phải nâng cao ý thức của đội ngũ giáo viên tiểu học trong vấn đề thực hiện tốt các quy định, quy chế, quan hệ hợp tác và trao đổi giữa đồng nghiệp, phụ huynh và học sinh.

Bảng 3. Đánh giá mức độ đáp ứng của giáo viên tiểu học về tiêu chuẩn 1

Tiêu chí	Tổng số	Mô tả			
		Giá trị nhỏ nhất	Giá trị lớn nhất	Giá trị trung bình	Độ lệch chuẩn
TC1 Thực hiện nghĩa vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc	258	5,50	9,50	8,06	0,74
TC2 Chấp hành pháp luật, chính sách của Nhà nước	258	5,75	9,50	8,23	0,85

TC3	Thực hiện các Quy định, Quy chế của ngành	258	5,75	9,50	7,85	0,81
TC4	Yêu nghề; giữ gìn phẩm chất, danh dự, uy tín của nhà giáo	258	5,25	9,60	8,18	0,86
TC5	Thương yêu học sinh; quan hệ đoàn kết, hợp tác với đồng nghiệp, cha mẹ học sinh và cộng đồng	258	6,00	9,50	8,01	0,74

Nguồn: Số liệu điều tra

- Tiêu chuẩn 2 “Kiến thức”

Các tiêu chí đánh giá ở mức khá dựa trên có kiến thức cơ bản về giảng dạy và kiểm tra, đánh giá các môn học trong chương trình, cũng như kiến thức nghiệp vụ sư phạm về tâm lý và giáo dục học. đội ngũ giáo viên tiểu học khu vực Tây nguyên cũng có kiến thức phổ thông về chính trị, xã hội; các kiến thức địa phương để ứng dụng công nghệ thông tin, ngoại ngữ, đặc biệt là tiếng dân tộc (Bảng 4). Tuy nhiên, muốn nâng cao chất lượng giáo dục phổ thông hiện nay, đặc biệt là đối tượng học sinh dân tộc thiểu số, vấn đề này cần phải có sự tác động tích cực của các nhà quản lý để nâng dần tỷ lệ trung bình lên khá và tỷ lệ khá lên tốt.

Bảng 4. Đánh giá mức độ đáp ứng của giáo viên tiểu học về tiêu chuẩn 2

Tiêu chí	Tổng số	Mô tả				
		Giá trị nhỏ nhất	Giá trị lớn nhất	Giá trị trung bình	Độ lệch chuẩn	
TC6	Có kiến thức cơ bản, hệ thống để dạy các môn học trong chương trình	258	5,75	9,50	7,71	0,74
TC7	Có kiến thức nghiệp vụ sư phạm về tâm lý, giáo dục học	258	5,50	9,50	7,75	0,77
TC8	Có kiến thức về kiểm tra, đánh giá	258	5,50	9,50	7,84	0,79
TC9	Có kiến thức phổ thông về chính trị, xã hội và nhân văn; kiến thức liên quan đến ứng dụng công nghệ thông tin, ngoại ngữ, tiếng dân tộc	258	5,50	9,50	7,79	0,79
TC10	Có kiến thức địa phương	258	5,50	9,50	7,76	0,84

Nguồn: Số liệu điều tra

- Tiêu chuẩn 3 “Kỹ năng sư phạm”

Tiêu chuẩn kỹ năng sư phạm của đội ngũ giáo viên tiểu học được đánh giá qua 5 tiêu chí như: Biết cách lập kế hoạch dạy học và soạn giáo án; Biết tổ chức và thực hiện các hoạt động dạy học

trên lớp nhằm phát huy tính năng động sáng tạo của học sinh; Biết làm công tác chủ nhiệm lớp, quản lý, giáo dục học sinh; Biết tổ chức các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp; Biết thực hiện thông tin hai chiều trong hoạt động giáo dục và giảng dạy; biết cách giao tiếp với học sinh, đồng nghiệp, cha mẹ học sinh và cộng đồng; Biết xây dựng, bảo quản và sử dụng có hiệu quả hồ sơ giáo dục và giảng dạy.

Bảng 5 cho thấy 5 tiêu chí thuộc tiêu chuẩn kỹ năng sư phạm của đội ngũ giáo viên tiểu học đạt mức khá. Tuy nhiên, giá trị lớn nhất của hai tiêu chí TC13 = “Biết tổ chức và thực hiện các hoạt động dạy học trên lớp nhằm phát huy tính năng động sáng tạo của học sinh” và TC14 = “Biết thực hiện thông tin hai chiều trong hoạt động giáo dục và giảng dạy; biết cách giao tiếp với học sinh, đồng nghiệp, cha mẹ học sinh và cộng đồng” là 9 nhỏ hơn các tiêu chí còn lại. Điều này cần phải được điều chỉnh từ bản thân người giáo viên và các cấp quản lý để nâng cao tỷ lệ khá lên tốt về kỹ năng sư phạm, đây là yếu tố quan trọng nhất quyết định chất lượng dạy học của đội ngũ giáo viên.

Bảng 5. Đánh giá mức độ đáp ứng của giáo viên tiểu học về tiêu chuẩn 3

Tiêu chí	Tổng số	Mô tả				
		Giá trị nhỏ nhất	Giá trị lớn nhất	Giá trị trung bình	Độ lệch chuẩn	
TC11	Biết cách lập kế hoạch dạy học và soạn giáo án	258	5,50	9,50	7,85	0,81
TC12	Biết tổ chức và thực hiện các hoạt động dạy học trên lớp nhằm phát huy tính năng động sáng tạo của học sinh	258	5,50	9,00	7,69	0,90
TC13	Biết làm công tác chủ nhiệm lớp, quản lý, giáo dục học sinh; biết tổ chức các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp	258	5,75	9,50	8,05	0,78
TC14	Biết thực hiện thông tin hai chiều trong hoạt động giáo dục và giảng dạy; biết cách giao tiếp với học sinh, đồng nghiệp, cha mẹ học sinh và cộng đồng	258	5,50	9,00	7,67	0,80
TC15	Biết xây dựng, bảo quản và sử dụng có hiệu quả hồ sơ giáo dục và giảng dạy	258	5,50	9,50	7,79	0,88

Nguồn: Số liệu điều tra

Đội ngũ giáo viên tiểu học đạt mức khá. Tuy nhiên, giá trị lớn nhất của hai tiêu chí TC13 = “Biết tổ chức và thực hiện các hoạt động dạy học trên lớp nhằm phát huy tính năng động sáng tạo của học sinh” và TC14 = “Biết thực hiện thông tin hai chiều trong hoạt động giáo dục và giảng dạy; biết cách giao tiếp với học sinh, đồng nghiệp, cha mẹ học sinh và cộng đồng” là 9 nhỏ hơn các

tiêu chí còn lại. Điều này cần phải được điều chỉnh từ bản thân người giáo viên và các cấp quản lý để nâng cao tỷ lệ khá lên tốt về kỹ năng sư phạm, đây là yếu tố quan trọng nhất quyết định chất lượng dạy học của đội ngũ giáo viên.

3.3. Nguyên nhân của hạn chế về năng lực nghề nghiệp của đội ngũ giáo viên tiểu học vùng dân tộc thiểu số các tỉnh Tây Nguyên

Kết quả phỏng vấn của 7 trên 10 chuyên gia đều cho rằng địa hình Tây Nguyên đồi núi, hiểm trở. Cơ sở vật chất còn nhiều thiếu thốn, bản thân học sinh và gia đình người dân tộc thiểu số chủ yếu tập trung làm nông nghiệp, thu nhập thấp. Do vậy, tình trạng bỏ học cao. Chính vì vậy, các tiêu chí về năng lực nghề nghiệp của giáo viên tiểu học nơi đây cần đảm bảo như sau:

- Về phẩm chất, đạo đức, chính trị xã hội, theo các chuyên gia thì các giáo viên tiểu học tại vùng này cần phải “tuyên truyền, vận động con em tới trường”, “tìm hiểu và có giải pháp trong việc học sinh bỏ học”, “tìm kiếm các nguồn tài trợ cho học sinh trong cộng đồng”.

- Với kiến thức chuyên môn của giáo viên tiểu học tại các vùng này, cần phải “có kiến thức về kinh tế - xã hội địa phương và văn hóa của cộng đồng người tại đại bàn trường đóng”.

- Với khả năng dạy học, bởi vì rào cản ngôn ngữ giữa tiếng Việt và ngôn ngữ mẹ đẻ của các em cho nên khó khăn trong việc giao tiếp, cho nên mức độ nhận thức cũng như khả năng tiếp thu kiến thức và khái niệm, do vậy, giáo viên vùng này phải có khả năng “thiết kế chương trình phù hợp với đặc thù của học sinh dân tộc thiểu số”, “lồng ghép các nội dung về văn hóa, lịch sử, địa lý của địa phương vào chương trình dạy”, “kỹ năng hướng nghiệp cho học sinh dân tộc thiểu số”.

Ngoài ra, đội ngũ giáo viên tiểu học cần bồi dưỡng thêm khả năng giao tiếp bằng tiếng dân tộc. Đối với lứa tuổi tiểu học, một trong những cản trở lớn nhất đối với con em người đồng bào gây khó khăn trong việc học chính là ngôn ngữ. Do vậy, các giáo viên tiểu học thì yêu cầu ngôn ngữ tiếng dân tộc nơi công tác là rất quan trọng. Chính vì vậy, cần phát triển thêm tiêu chí là “có khả năng ngôn ngữ tiếng địa phương”, “tạo môi trường tiếng Việt thông qua các hoạt động ngoại khóa và các hoạt động của cộng đồng”, “kiên nhẫn trong giao tiếp với các em”, “vận dụng phương pháp giao tiếp phù hợp”.

Như vậy, đội ngũ giáo viên tiểu học còn bộc lộ một số hạn chế nhất định: khả năng ứng xử với học sinh, việc vận dụng phương pháp dạy học theo hướng đổi mới chưa mang lại hiệu quả cao; còn chậm trong việc phát hiện và giải quyết vấn đề phát sinh trong thực tiễn giáo dục; chưa quan tâm đúng mức đến các hoạt động chính trị - xã hội trong nhà trường; các hoạt động giáo dục trong cộng đồng còn mang tính hình thức; còn lúng túng trong việc xây dựng môi trường học tập. Một số tiêu chuẩn, tiêu chí chưa đáp ứng được. Điều này xuất phát từ những nguyên nhân sau:

Thứ nhất, rào cản ngôn ngữ vẫn còn là một trở ngại chính để đạt được chất lượng giáo dục cho học sinh đồng bào dân tộc thiểu số. Đội ngũ giáo viên thường là người dân tộc kinh, số lượng giáo viên được bồi dưỡng tiếng địa phương có thể viết thành thạo hoặc giao tiếp tốt với học sinh tương đối thấp, do đó việc giảng dạy gặp khó khăn, đặc biệt là đối với giáo viên tiểu học. Do hạn chế về tiếng Việt, nên các em không hiểu hết được nội dung bài học đây cũng là nguyên nhân khiến nhiều học sinh cảm thấy chán nản, dẫn đến mất căn bản, lâu dần không có kết quả nên các em bỏ học.

Thứ hai, yếu tố người học cũng là một trong những vấn đề tác động đến năng lực nghề nghiệp của đội ngũ giáo viên. Trình độ đầu vào của các em học sinh thường là thấp, khả năng tiếp thu bài giảng chậm. Nhận thức về sự học của phụ huynh học sinh và học sinh rất thấp. Vì thu nhập của gia đình rất thấp nên họ không ý thức được việc học sẽ giúp ích gì cho cuộc sống mưu sinh. Họ quan

niệm về lợi ích, giá trị mang lại của giáo dục còn chưa đúng đắn. Do đó, khi cần nhân công thu hoạch mùa màng trên nương rẫy, phụ huynh thường để con cháu mình nghỉ học để lao động. Bên cạnh đó, họ cũng không đôn đốc con em mình đến trường, tùy tiện, thích thì đi học còn không thì thôi. Điều này ảnh hưởng lớn đến hoạt động dạy học của giáo viên. Ý thức vươn lên thoát nghèo, thay đổi cuộc sống của đồng bào dân tộc thiểu số chưa cao, họ dễ bằng lòng với cuộc sống đủ ăn, đủ mặc nên cũng không coi trọng việc học hành của con em mình. Hiện nay, còn xuất hiện một bộ phận không nhỏ người nghèo phụ thuộc hoàn toàn vào sự đầu tư hỗ trợ của nhà nước dẫn đến ý lại, không tự lực phấn đấu đi lên mà trông chờ hưởng các chính sách ưu đãi của Nhà nước.

Mặt khác, đồng bào dân tộc thiểu số có thói quen canh tác nương rẫy: đi rừng, làm rẫy xa nhà, ngủ rẫy... nên ít có thời gian quan tâm đến đời sống của các thành viên trong gia đình. Do đó, họ cũng không theo dõi việc đến lớp cũng như việc học hành của con em mình.

Thứ ba, với điều kiện đặc điểm địa hình chia cắt, gây nhiều khó khăn cho việc đến trường của các em học sinh, đặc biệt là với học sinh cấp 1 và cấp 2. Do đó, rất nhiều học sinh bỏ học giữa chừng vì điều kiện đi lại, ngại đến trường và vì hoàn cảnh gia đình của học sinh nên cản trở việc học tập. Do đó, sĩ số lớp không đảm bảo cũng là nguyên nhân làm tâm lý của giáo viên chán nản, và khó khăn trong việc tổ chức lớp học theo đúng kế hoạch, chương trình và nội dung giảng dạy.

Thứ tư, điều kiện vị trí địa lý gồm nhiều khu vực miền núi, giao thông đi lại khó khăn, cơ sở hạ tầng vật chất yếu kém, hệ thống công nghệ thông tin không phát triển là một trong những nhân tố tác động đến năng lực nghề nghiệp của giáo viên. Việc tiếp cận với nguồn kiến thức mới từ internet, cập nhật thông tin thực tế rất hạn chế dẫn đến vấn đề cập nhật bài giảng, gắn liền với thực tế đời sống hàng ngày càng khó khăn hơn.

Thứ năm, việc luân chuyển đội ngũ giáo viên đến các vùng dân tộc thiểu số liên tục cũng là một trong những nguyên nhân khiến cho vấn đề dạy học của giáo viên gặp nhiều hạn chế. Thông thường, ở những địa bàn khó khăn và đặc biệt khó khăn giáo viên sau khi công tác được từ 3-5 năm sẽ được luân chuyển về. Cho nên, khi mà họ đã bắt đầu có sự hiểu biết về văn hóa, tâm lý của học sinh, cách tiếp cận với học sinh, cải thiện ngôn ngữ tốt để giảng dạy cũng như tìm ra phương pháp dạy học phù hợp thì lại được luân chuyển.

4. Kết luận

Chuẩn nghề nghiệp là thước đo năng lực nghề nghiệp của giáo viên. Căn cứ vào chuẩn nghề nghiệp là cơ hội cho giáo viên tự chiêm nghiệm, nhìn nhận lại bản thân đã và đang làm được gì trong thời gian qua cho học sinh khi kết thúc một năm học. Với đặc thù giảng dạy trên địa bàn có học sinh người dân tộc thiểu số chiếm số lượng lớn, các em khó khăn trong giao tiếp, và một phần phải hỗ trợ gia đình về kinh tế, để có thể nâng cao năng lực nghề nghiệp của giáo viên phù hợp với những điều kiện địa phương, nghiên cứu này đề xuất một số giải pháp sau:

Đối với UBND huyện và Phòng GD&ĐT.

- Thường xuyên giúp đỡ, phối hợp với các trường tiểu học làm tốt công tác xã hội hoá giáo dục, huy động mọi nguồn lực vật chất, tinh thần của toàn xã hội cho công tác phát triển GD&ĐT nói chung và giáo dục tiểu học nói riêng.

- Tổ chức tốt công tác đào tạo bồi dưỡng từ các cấp theo chuyên đề hoặc theo chu kỳ thường xuyên, tạo điều kiện cho đội ngũ cán bộ quản lý thấy rõ vai trò trách nhiệm của mình đồng thời cập nhật được thông tin khoa học mới nhất, hiện đại nhất vận dụng một cách linh hoạt, sáng tạo và

thực tế quản lý giáo dục.

- Tạo điều kiện thuận lợi để đội ngũ giáo viên được học tập, bồi dưỡng trình độ chuyên môn nghiệp vụ, lý luận chính trị, tin học, ngoại ngữ và những kiến thức về các vấn đề chính trị, kinh tế - xã hội.

- Nghiên cứu, xây dựng và ban hành chính sách phù hợp với thực tiễn của huyện nhằm động viên khuyến khích đội ngũ giáo viên. Có chính sách thu hút và sử dụng hợp lý những giáo viên đã được đào tạo và bồi dưỡng trên chuẩn. Quan tâm, tạo điều kiện về cơ chế, chính sách, chế độ để giáo viên có điều kiện học tập và rèn luyện vươn lên theo chuẩn nghề nghiệp.

Đối với cán bộ quản lý các trường tiểu học.

- Chủ động xây dựng qui hoạch, chuẩn hoá đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên của trường. Định hướng quy hoạch phát triển trường lớp và đội ngũ giáo viên, xây dựng kế hoạch đào tạo và đào tạo lại đội ngũ CBQL và giáo viên ngắn hạn, dài hạn....

- Giúp giáo viên đánh giá chính xác mức độ đáp ứng chuẩn của họ để phân đầu vươn lên phát triển năng lực nghề nghiệp.

- Có kế hoạch bồi dưỡng giáo viên về chuyên môn, nghiệp vụ và đạo đức nghề nghiệp để nâng cao chất lượng giáo dục và dạy học. Chú trọng bồi dưỡng kỹ năng nghề và định hướng phân đầu khả năng hành nghề của giáo viên theo các kỹ năng đáp ứng với đổi mới của giáo dục.

- Có nhiều hình thức thi đua, động viên, khen thưởng khuyến khích giáo viên trau dồi chuyên môn nghiệp vụ và tay nghề.

Đối với giáo viên các trường tiểu học.

- Các giáo viên nên tham khảo các tiêu chuẩn chuyên môn của giáo viên tự đánh giá năng lực của mình. Dựa trên sự hiểu biết về năng lực thực sự của họ, giáo viên có thể có một kế hoạch cải thiện trình độ chuyên môn và thực hành sư phạm.

- Giáo viên cần tích cực thực hiện các phương pháp giảng dạy mới và tích cực đến các lớp học của họ. Các hóc hức của việc áp dụng phương pháp giảng dạy mới sẽ tạo ra động lực cho việc học tập và trau dồi kiến thức mới, kỹ năng và năng khiếu. Trong trường hợp của học sinh dân tộc thiểu số, giáo viên nên tập trung vào các phương pháp nâng cao tính chủ động của học sinh.

- Đặc biệt đối với học sinh tiểu học, giáo viên cần tích cực rèn luyện kỹ năng hoạt động xã hội, tăng cường trao đổi, liên hệ với phụ huynh và học sinh.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Bộ Giáo dục và Đào tạo (2007), *Chuẩn nghề nghiệp giáo viên tiểu học*, Hà Nội.
- [2] Bộ Giáo dục và Đào tạo (2010), *Nghiên cứu thực hành giáo dục song ngữ trên cơ sở tiếng mẹ đẻ: hướng tới nền Giáo dục có chất lượng và Bình đẳng*, Báo cáo quốc gia về mục tiêu thiên niên kỷ.
- [3] Mạc Văn Trang (2000), *Thử đề xuất một quan niệm về nhân cách trong cơ chế thị trường*, Tạp chí Tâm lý học, số 8.
- [4] Nguyễn Ngọc Bảo, Bùi Văn Quân (2004), *Hỏi đáp Giáo dục học*, tập 1, Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội.

- [5] Nhóm phóng viên Tây Nguyên, Tây Nguyên có 5.800 học sinh bỏ học, 28/11/2015, www.tuoitre.vn.
- [6] Phạm Minh Hạc (1996), *Phát triển giáo dục, phát triển con người phục vụ phát triển kinh tế xã hội*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [7] Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Kon Tum (2013, 2014, 2015), *Báo cáo đánh giá giáo viên mầm non, phổ thông theo chuẩn nghề nghiệp*.
- [8] Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Gia Lai (2013, 2014, 2015), *Báo cáo đánh giá giáo viên mầm non, phổ thông theo chuẩn nghề nghiệp*.
- [9] Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Đắk Lắk (2013, 2014, 2015), *Báo cáo đánh giá giáo viên mầm non, phổ thông theo chuẩn nghề nghiệp*.
- [10] Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Đắk Nông (2013, 2014, 2015), *Báo cáo đánh giá giáo viên mầm non, phổ thông theo chuẩn nghề nghiệp*.
- [11] Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Lâm Đồng (2013, 2014, 2015), *Báo cáo đánh giá giáo viên mầm non, phổ thông theo chuẩn nghề nghiệp*.
- [12] M. Epstein; Edward M. Hundert (2002), *Defining and Assessing professional competence*, JAMA, January 9, Vol 287, No.2.
- [13] Kodzhaspirova, G. M. (2005), *Pedagogical anthropology: Education guidance*, Moscow: Gardariky, p. 287.

ABSTRACT

Enhancing the response level of primary school teachers' professional competence in ethnic minority areas - a case of Tay Nguyen, Vietnam

This paper evaluates the primary school teachers' professional competence in ethnic minority areas with a sample size of 258 in five provinces by means of a mean score of 15 criteria according to Decision 14/2007/QĐ- BGDĐT. Research results show that criteria such as Love for students; Solidarity relations; Implement regulations, regulations of the sector; Know the organization and implementation of teaching activities; Know the two-dimensional information; Learn how to communicate with students with low levels of response. For ethnic minority group people, coordination with families and communities to mobilize their children to school is very important, but the level of teacher response in this area is weak. Therefore, the study aims to propose some solutions that will not only enhance the primary school teachers' professional competence, but also decrease the dropout rate and improve academic performances of ethnic minority group students in Tay Nguyen region.

Keywords: *Professional competence, teacher; Tay Nguyen, Primary school, Ethnic minority.*